

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Triệu Văn Mẫn.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Viết Tác
2. Bà Lục Thị Xinh
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lục Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2026, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Sầm Thị T; sinh năm 1980; CCCD: 006180002687; địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Anh Triệu Văn T; sinh năm 1979; CCCD: 006079003795; địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sầm Thị T trình bày:

Chị T và anh Triệu Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên. Những năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay uống rượu không làm chủ bản thân, thường xuyên chửi bới chị T dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Nay xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T và anh Triệu Văn T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm mong muốn được ly hôn với anh Triệu Văn T. Ngoài ra chị T không có yêu cầu nào khác. Anh T được tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Sầm Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn T; Về con chung: Các đương sự không có con chung; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Sầm Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Triệu Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bản C, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật

sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Còn bị đơn được Tòa án triệu tập lần thứ hai hợp lệ nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Căn cứ đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên ngày 08/11/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn. Anh Triệu Văn T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu quan điểm của mình cho Tòa án, điều đó thể hiện ý chí không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng và không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh T chung sống cho thấy: Vợ chồng chị T và anh T có nhiều mâu thuẫn, chính quyền thôn đã từng được hòa giải mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T, hiện nay chị T và anh T đã sống ly thân. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sầm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị T được ly hôn với anh Triệu Văn T.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sầm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số: 0000862 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS Khu vực 7 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 7 - Thái Nguyên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn